

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2020/HS-PT
Ngày 28 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương;
Bà Bùi Kim Rết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 299/2020/TLPT-HS, ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Đặng Thị M và các bị cáo khác; do có kháng cáo của bị cáo Đặng Thị M, Ngô Trí V và kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 342/2020/HS-ST, ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Đặng Thị M, sinh năm 1981, tại Bình Định; nơi thường trú: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: 46/2, khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 9/12; con ông Đặng Văn H, sinh năm 1928 (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1928; chồng của bị cáo tên Lê Văn T (đã ly hôn), có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

2. Vi Văn T1, sinh năm 1990, tại Nghệ An; nơi thường trú: thôn K, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái (Thanh); tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông

Vi Văn N và bà Lô Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt ngày 11-9-2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Ngô Trí V, sinh năm 1984, tại Nghệ An; nơi cư trú: 1684 tổ 26, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Ngô Trí T và bà Lê Thị B; có vợ tên Lang Thị N, sinh năm 1986 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt ngày 11-9-2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Thành T2, sinh năm 1997, tại Bình Định; nơi thường trú: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 8/12; con ông Đặng Văn T và bà Trần Thị D; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt ngày 11-9-2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị M:* Bà Lê Thị Thanh P, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV A – Chi nhánh B, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại có kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991; địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngô Trí Q, Lang Thị N, không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ giữa tháng 8/2019 đến cuối tháng 08/2019, chị Nguyễn Thị V có thiếu nợ Đặng Thị M số tiền 44.000.000 đồng. Đến ngày 10-9-2019, M phát hiện chị V đã nghỉ việc tại công ty Taekwang và chuyển phòng trọ đi nơi khác nên M đã nhờ bạn trai là Ngô Trí V điều khiển xe ô tô biển số 60A- 476.09 chở M đi tìm chị V để đòi nợ.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, V, M phát hiện chị V cùng bạn đi vào quán Karaoke 162 thuộc phường T, thành phố B hát Karaoke nên M điện thoại cho cháu ruột tên Đặng Thành T2 đến để cùng M giữ chị V lại để đòi nợ, T2 đồng ý. Sau đó,

T2 điều khiển xe mô tô biển số 60F3-202.39 đến quán Karaoke 162 thuộc phường T, thành phố B để gặp M, còn V điều khiển xe ô tô biển số 60A- 476.09 đi đón Vi Văn T1 đến để cùng với M, T2 bắt chị V đưa lên xe ô tô biển số 60A- 476.09 để đòi nợ.

Khoảng 00 giờ ngày 11-9-2019, khi chị Nguyễn Thị V cùng bạn chạy xe mô tô ra khỏi quán Karaoke 162 thì bị T2 chặn lại, T1 đi đến dùng tay tát vào mặt chị V, yêu cầu chị V lên xe ô tô đi giải quyết nợ nhưng V không đồng ý. T1 tiếp tục dùng tay tát vào mặt của chị V. Sau đó, T1 cùng với T2 giữ hai tay không chế chị V, còn M nắm tóc chị V kéo lên băng ghế sau xe ô tô biển số 60A- 476.09, chị V ngồi ở giữa còn T1, T2 ngồi hai bên không chế chị V để V điều khiển xe ô tô biển số 60A- 476.09 đưa chị V đến bãi đất trống gần cầu X201 thuộc phường L, thành phố B, còn M điều khiển xe mô tô biển số 60F3-202.39 theo sau. Trên đường đi, T1 đã chửi và dùng mũ cưỡi đánh vào người chị V yêu cầu trả nợ. Khi đến bãi đất trống, T1 yêu cầu chị V viết giấy mượn số tiền 44.000.000 đồng của T1 nhưng chị V không đồng ý thì V lấy 01 cuốn tập học sinh và bút trên xe ô tô đưa cho T1. T1 tự viết giấy mượn tiền với nội dung chị V vay nợ T1 số tiền 44.000.000 đồng rồi yêu cầu chị V ký tên, chị V không ký tên thì bị T1 dùng mũ cưỡi đánh vào đầu, người chị V nên chị V đã ký vào giấy mượn tiền và M ký tên vào phần người chứng kiến. Sau đó, T1 yêu cầu chị V đưa giấy chứng minh nhân dân của chị V cho T1 nhưng chị V nói đã mất, T1 dọa đánh nên chị V nói đang để chứng minh nhân dân ở phòng trọ của bạn tại khu phố 5A, phường L, thành phố B. T1 yêu cầu chị V lên xe ô tô để V chở về phòng trọ khu phố 5A, phường L, thành phố B, khi chị V gọi cửa do bạn của chị V đi vắng và hẹn sáng sẽ về mở cửa. Chị V ngồi tại hành lang dãy nhà trọ chờ còn M, T1 ngồi bên ngoài canh không cho chị V bỏ trốn. T2 điều khiển xe mô tô biển số 60F3-202.39, V điều khiển xe ô tô biển số 60A- 476.09 đi về. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố B đến kiểm tra thì chị V đã tố cáo mình bị bắt giữ, đánh đập và bắt ký giấy mượn tiền nên Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đặng Thị M, Vi Văn T1 cùng tang vật.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 11-9-2019 với số tiền 44.000.000 đồng có chữ ký của Nguyễn Thị V, Vi Văn T1, Đặng Thị M.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, J5 Prime, số Imei 1 355079/08/728516/4, số Imei 2 355080/08/728516/2 của Đặng Thị M.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, số seri 356967092573674 của Vi Văn T1.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu Xanh- Nâu- Đen, biển số 60F3-202.39, số máy JF86E0182407, số khung 5831KY482478 của Đặng Thị M nhưng nhờ Ngô Trí V đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô.

- 01 (một) xe ô tô Toyota Vios biển số 60A- 476.09 do Ngô Trí V đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhưng qua điều tra đây là tài sản của anh Ngô Trí Q (sinh năm 1987) là quân nhân Lữ đoàn pháo binh 75 (em ruột của V) nhờ V đứng tên giúp để vay Ngân hàng mua trả góp. V mượn sử dụng xe làm phương tiện phạm tội anh Q không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ.

- 01 (một) mũ cối màu xanh (loại mũ bộ đội) của Vi Văn T1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 342/2020/HS-ST, ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị M, Vi Văn T1, Ngô Trí V, Đặng Thành T2 phạm các tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

- Bị cáo Đặng Thị M 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Bị cáo Vi Văn T1 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2019.

- Bị cáo Ngô Trí V 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2019.

- Bị cáo Đặng Thành T2 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14-7-2020, bị cáo Đặng Thị M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Bị cáo đã ly hôn chồng năm 2010, hiện đang bị bệnh tiểu đường nặng đang điều trị, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ và trợ cấp nuôi dưỡng cho mẹ già. Bị cáo nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị hại chị Nguyễn Thị V.

Ngày 20-7-2020, bị cáo Ngô Trí V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện có ông Ngoại là cán bộ lão thành cách mạng (đã từ trần), cậu ruột là liệt sỹ.

Ngày 28-7-2020, bị hại chị Nguyễn Thị V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Đặng Thị M, Vi Văn T1, Ngô Trí V, Đặng Thành T2, với lý do: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm của mình, bị cáo M có hoàn cảnh gia đình như nêu trên. Bị hại không nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; do đó, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo M cung cấp tài liệu thể hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo V cung cấp tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị M: Thống nhất về tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo M. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vai trò của bị cáo M chưa chính xác, do mục đích của bị cáo M là yêu cầu chị V giải quyết nợ cho người đã ghi đề. Quá trình diễn tiến sự việc, bị cáo M có vai trò thụ động trong thực hiện hành vi “Cướp tài sản”. Bị cáo M có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo M được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Vào khoảng 00 giờ ngày 11-9-2019, tại quán Karaoke 162 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Đặng Thị M, Vi Văn T1, Ngô Trí V và Đặng Thành T2 đã thực hiện hành vi cưỡng chế, bắt, giữ chị Nguyễn Thị V đưa lên xe ô tô biển số 60A- 476.09 do Ngô Trí V điều khiển chạy đến bãi đất trống gần cầu X201 thuộc phường L, thành phố B. Tại đây M, V, T2 đã giúp sức cho T1 và T1 đã thực hiện hành vi dùng mũ cối đánh chị V và buộc chị V ký nhận nợ Vi Văn T1 số tiền 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng) nhằm chiếm đoạt của chị V số tiền trên. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo Đặng Thị M, Vi Văn T1, Ngô Trí V, Đặng Thành T2 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và phạm tội “Cướp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Đặng Thị M, Ngô Trí V và kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân và xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương, nên cần hình phạt nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, tuân thủ pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo M do sợ trách nhiệm đối với khoản nợ (theo bị cáo M và chị V là nợ ghi sổ đề) của H (là người không rõ lai lịch), M đã gọi điện cho V báo cho H và gọi T1 đến cùng giữ chị V để buộc chị V trả nợ; bị cáo T1 là người có nhân thân xấu, không liên quan đến chị V nhưng khi V đến chỗ đi thì tham gia rất tích cực, quyết tâm phạm tội đến cùng nên bị cáo T1 và bị cáo M có vai trò chính trong thực hiện hành vi phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo V và bị cáo T2 có vai trò giúp sức trong thực hiện hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Đối với hành vi phạm tội “Cướp tài sản”, xét bị cáo T1 là người có vai trò chính trong vụ án khi chủ động bắt, giữ, đánh chị V để buộc chị V ký nợ; bị cáo M tích cực thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo T2 và bị cáo V có vai trò giúp sức trong thực hiện hành vi “Cướp tài sản”.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo M đã ly hôn

chồng và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, 02 con còn nhỏ. Các tình tiết này, được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo V nộp tài liệu, chứng cứ mới thể hiện có ông Ngoại là cán bộ lão thành cách mạng (đã từ trần), cậu ruột là liệt sỹ; các bị cáo được bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các tình tiết này, được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo M nộp tài liệu thể hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Hội đồng xét xử xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của từng người đồng phạm, cùng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nêu trên. Do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo M, V, chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị V, sửa bản án sơ thẩm, giảm mức hình phạt cho các bị cáo.

[3] Về án phí: Các bị cáo Đặng Thị M, Ngô Trí V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Như đã nhận định trên Hội đồng xét xử xem xét các căn cứ theo quy định pháp luật, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và bị hại, giảm mức hình phạt cho các bị cáo.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị M: Thống nhất về tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Đặng Thị M và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần phù hợp; đối với đề nghị cho bị cáo M được hưởng án treo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Thị M, Ngô Trí V và kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị V; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 342/2020/HS-ST, ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thị M** 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

2. Xử phạt: Bị cáo **Vi Văn T1** 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2019.

3. Xử phạt: Bị cáo **Ngô Trí V** 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2019.

4. Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thành T2** 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2019.

5. Về án phí: Các bị cáo Đặng Thị M, Ngô Trí V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan THA hình sự - Công an TP. Biên Hòa;
- Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THA dân sự thành phố Biên Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Huỳnh Hoa